

Bản án số: 422/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2023

Về việc Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Viết Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Hòa;

2. Bà Tống Thị Kim Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Châu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 23 và 28 tháng 6 năm 2023, tại phòng Xử án Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 731/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 117/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Khải H, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 29 đường T, khu phố 1A, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Trần Thị Hải Y, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 39 đường số 9, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Khải H trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết:

Ông Trần Khải H và bà Trần Thị Hải Y qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2006 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 24 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 8, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

Vợ chồng sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nay ông Trần Khải H xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Khải H yêu cầu ly hôn với bà Trần Thị Hải Y.

Về con chung: Ông Trần Khải H và bà Trần Thị Hải Y có 02 con chung là Trần Bình Đông N, sinh ngày 12/12/2007 và Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 22/12/2010. Sau khi ly hôn, ông Trần Khải H đồng ý để bà Trần Thị Hải Y trực tiếp nuôi cả hai con chung và ông Trần Khải H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 80.000.000 đồng (40.000.000 đồng 1 con mỗi tháng).

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự khai không có.

Ông Trần Khải H cam kết việc ly hôn không nhằm trốn tránh nghĩa vụ nào và chỉ nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhân dân Quận 7.

Bị đơn bà Trần Thị Hải Y trình bày:

Ông Trần Khải H và bà Trần Thị Hải Y qua thời gian tìm hiểu thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2006 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 24 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 8 thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng). Trong quá trình chung sống có phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông Trần Khải H nhiều lần ngoại tình dẫn đến cãi vã. Nay ông Trần Khải H yêu cầu ly hôn bà Trần Thị Hải Y không đồng ý

Về con chung: Ông Trần Khải H và bà Trần Thị Hải Y có 02 con chung là Trần Bình Đông N, sinh ngày 12/12/2007 và Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 22/12/2010. Nếu tòa giải quyết cho ly hôn thì bà Trần Thị Hải Y đề nghị được trực tiếp nuôi cả hai con chung và ông Trần Khải H cấp dưỡng nuôi con chung làm một lần là bốn mươi tỷ đồng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tự khai không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; về xác định tư cách tham gia tố tụng; xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý; về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Trần Khải H yêu cầu được ly hôn với bà Trần Thị Hải Y nên đây là tranh chấp ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; bị đơn bà Trần Thị Hải Y địa chỉ cư trú tại Quận 7 nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7.

[2] Về các yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3] Ông Trần Khải H và bà Trần Thị Hải Y tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2006 (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 24 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 8 thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng) nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp; vì vậy được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cùng lời trình bày của đương sự cho thấy quan hệ hôn nhân của ông Trần Khải H và bà Trần Thị Hải Y chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, cả hai không còn tình cảm với nhau, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Trần Khải H là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về con chung: Căn cứ Giấy khai sinh số 10 quyển số 01, đăng ký ngày 09/01/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đạ Đờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng và Giấy khai sinh số 03 Quyển 01/2011, đăng ký ngày 05/01/2011 tại Ủy ban nhân dân phường 6 Thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng và cùng với lời trình bày của đương sự đủ cơ sở để khẳng định ông Trần Khải H và bà Trần Thị Hải Y có 02 con chung là Trần Bình Đông N, sinh ngày 12/12/2007 và Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 22/12/2010.

Tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo lời trình bày của ông Trần Khải H và bà Trần Thị Hải Y cả hai thống nhất giao cả hai con chung cho bà Trần Thị Hải Y là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nên yêu cầu được nuôi con chung của bà Trần Thị Hải Y là có cơ sở để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung cho bà Trần Thị Hải Y trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con:

[6.1] *Căn cứ vào khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, quy định: “Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết”.*

Căn cứ vào điểm 2 Mục III Công văn số 24/1999/KHXX ngày 17/3/1999 của Tòa án nhân dân Tối cao về việc giải đáp bổ sung một số vấn đề về áp dụng pháp luật: “Mức đóng góp phí tổn nuôi dưỡng, giáo dục con tối thiểu không dưới 1/2 (một phần hai) mức lương tối thiểu do Nhà nước quy định tại thời điểm xét xử sơ thẩm đối với một người con”.

Căn cứ vào Nghị quyết 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 của Quốc Hội, Kết luận số 77-KL/TW ngày 5/6/2020 của Bộ Chính trị và Nghị định số 38/2019/NĐ-CP ngày 09/5/2019 của Chính phủ quy định: *“mức lương cơ sở từ ngày 01/7/2019 là 1.490.000 đồng/tháng”.*

[6.2] Xét, nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng là trẻ Trần Bình Đông N, sinh ngày 12/12/2023 và trẻ Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 22/12/2010, xuất phát từ đặc điểm của trẻ và từ nhu cầu cơ bản. Đảm bảo cho trẻ phát triển lành mạnh, hài hòa về thể chất và tinh thần. Trẻ không chỉ cần được nuôi dưỡng đầy đủ về dinh dưỡng, được học tập, chăm sóc sức khỏe, vui chơi mà còn được sống trong một môi trường hòa bình, trong sạch, đầy tình yêu thương.

Ông Trần Khải H cung cấp cho Tòa án Hợp đồng lao động và Thư xác nhận mức lương tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á là 180.000.000 đồng/tháng.

Bà Trần Thị Hải Y liệt kê chi phí sinh hoạt của hai con chung là 2.833.450 Đô la Mỹ tương đương 66.586.750.000 đồng.

Bà Trần Thị Hải Y yêu cầu ông Trần Khải H cấp dưỡng nuôi cả hai con chung làm một lần số tiền bốn mươi tỷ đồng là cao hơn so với nhu cầu thiết yếu, cơ bản của trẻ trong thời điểm hiện nay. Bà Trần Thị Hải Y xác định ông Trần Khải H có thu nhập nhưng không cung cấp được chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh. Ông Trần Khải H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 80.000.000 đồng (40.000.000 đồng 1 con mỗi tháng)

[6.3] Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy Ghi nhận mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 80.000.000 đồng (40.000.000 đồng 1 con mỗi tháng) là phù hợp với quy định của pháp luật. Bắt đầu cấp dưỡng ngay khi án có hiệu lực pháp luật và thực hiện tại Chi cục Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

[7] Về tài sản chung: Ông Trần Khải H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về nợ chung: Ông Trần Khải H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Về án phí: Ông Trần Khải H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Áp dụng các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 116 và 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Áp dụng Luật Phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự năm 2008.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Khải H được ly hôn với bà Trần Thị Hải Y (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 17 ngày 24 tháng 3 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân Phường 8 thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng).

1.2. Về con chung: Ông Trần Khải H và bà Trần Thị Hải Y có 02 con chung là Trần Bình Đông N, sinh ngày 12/12/2007 và Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 22/12/2010. Sau khi ly hôn giao cả hai con chung là Trần Bình Đông N, sinh ngày 12/12/2007 và Trần Hoàng Bảo N, sinh ngày 22/12/2010 cho bà Trần Thị Hải Y được trực tiếp nuôi dưỡng, ông Trần Khải H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). (40.000.000 đồng/1con/1 tháng). Thời gian cấp dưỡng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc phát sinh căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

Trong trường hợp ông Trần Khải H chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng thì kể từ ngày bà Trần Thị Hải Y có đơn yêu cầu thi hành án, ông Trần Khải H phải chịu thêm tiền lãi của số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Ông Trần Khải H có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, vì quyền lợi của con, khi có yêu cầu của một hoặc hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Bà Trần Thị Hải Y không được lợi dụng quyền nuôi con để cản trở việc thăm nuôi, chăm sóc giáo dục con chung của ông Trần Khải H.

1.3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Không có.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm ông Trần Khải H phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0015147 ngày 28 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Khải H đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Khải H và bà Trần Thị Hải Y có quyền kháng cáo đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TpHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Q7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Q7;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn.
- Mỗi đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ (Thư ký Hoài Thu).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Bùi Viết Bình